

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 11-3-2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tấn Út.

- Ông Nguyễn Công Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, thị trấn L, huyện TH, Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, thị trấn L, huyện Thanh Trị, Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020 nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn T cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T gây ra nợ nần, bà và ông T không còn chung sống hơn một năm nay. Gia đình hai bên có động viên hàn gắn nhưng bà không còn lòng tin, không còn tình cảm nên không thể hàn gắn được, bà C yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một người con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 02/4/2008, con đang do bà C nuôi dưỡng. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi con, việc cấp dưỡng bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

*Bị đơn ông Trần Văn T có lời khai:* Năm 2007 ông và bà C kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc làm ăn gặp thất bại, cha mẹ hai bên có động viên hoà giải, hàn gắn nhưng bà C không đồng ý và vợ chồng không còn sống chung. Nay ông yêu cầu được hàn gắn, không đồng ý ly hôn, về con đồng ý theo nguyện vọng của con, về cấp dưỡng thì ông và bà C tự thỏa thuận.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi và không buộc cấp dưỡng do nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Trần Văn T lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Bà C yêu cầu ly hôn còn ông T yêu cầu được hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cũng như qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống bà C và ông T thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C, ông T đã không thể giải quyết được, cụ thể là cha mẹ hai bên đã hoà giải nhưng không được, đồng thời tại phiên tòa bà C vẫn yêu cầu được ly hôn, không đồng ý hàn gắn, như vậy cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà C được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà C và ông T đồng ý giao con cho bà C nuôi dưỡng, do con có nguyện vọng sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử xét thấy thống nhất giao

con cho bà C nuôi dưỡng. Theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có nợ chung, không có tài sản chung, không có ai có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Kim C là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 02/4/2008 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0003343 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà C đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;

- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng